TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2020/HC-PT
Ngày: 24/7/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Anh Dũng;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thúy Bình

Ông Nguyễn Huyền Cường;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 456/2019/TLPT-HC ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 40/2019/HC-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5090/2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Ông Trần Văn T, sinh ngày 20/11/1959; địa chỉ: Số 160 đường L, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

**** Người bị kiện:*** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam. Địa chỉ: Số 90 đường T, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hà Nam.

2. Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam.

** Người làm chứng:*

1. Ông Bùi Văn C và bà Trần Thị T1; cùng địa chỉ: Xóm 6 C, xã V, huyện

K, tỉnh Hà Nam.

2. Ông Bùi Đức V; cùng địa chỉ: Xóm 6 C, xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam.

3. Ông Chu Bá N - Nguyên Chủ tịch UBND xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam; cùng địa chỉ: Xóm 1 Đ, xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam.

4. Ông Chu Văn T2; cùng địa chỉ: Xóm 4, xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 6 năm 2019 và bản tự khai của ông Trần Văn T, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Năm 1996, UBND xã V tổ chức giao đất cho các hộ xã V làm nhà ở trên cơ sở quyết định giao đất của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Hà Nam, ngoài ra UBND xã đã giao đất làm nhà ở cho một số hộ trái thẩm quyền, trong đó: Hộ ông Bùi Văn C (vợ là Trần Thị T1) được giao diện tích 201m^2 (theo thứ tự số 7). Sau một thời gian ông C chuyển quyền sử dụng thửa đất này cho con trai là Bùi Đức V. Theo kết quả đo đạc bản đồ hiện trạng năm 2003 vị trí lô đất này là thửa số 206, tờ bản đồ PL3, bản đồ tỷ lệ 1/1.000 xã V, được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/6/2006 mang tên anh Bùi Đức V. Cùng thời điểm UBND xã V giao cho hộ ông Bùi Văn C 2 lô đất tại xứ đồng Lẻ Điền mỗi lô là 137m^2 (số thứ tự 12, 20). Theo kết quả trích đo bản đồ hiện trạng năm 2003 vị trí 2 lô đất này là thửa số 213, tờ bản đồ PL2, tổng diện tích 276m^2 được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/11/2007 mang tên ông Bùi Văn C.

Từ năm 2010 đến nay, ông Trần Văn T liên tục có đơn đề nghị, đơn khiếu nại gửi UBND xã V, UBND huyện K, UBND tỉnh Hà Nam yêu cầu giải quyết thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 3 lô đất nêu trên để trả lại đất cho ông vì cho rằng ông là người nộp tiền 3 xuất đất tại các phiếu thu: Số 21 mang tên ông Nguyên Văn K, số 25 mang tên ông Bùi Văn C, số 105 mang tên ông Chu Văn T2 ở xóm 4, xã V. Theo ông T thì Phiếu thu số 105 ghi nội dung nhận tiền của ông T2 (đã nộp 5.000.000đ để tham gia đấu giá) nhưng ông T2 không mua nữa nên ông T2 đã bán lại cho ông T (có giấy biên nhận) và ông T đã nộp số tiền trên cho UBND xã (bản gốc liên 2 phiếu thu số 105 ông T đang giữ). Sau khi nộp tiền, UBND xã V đã giao thửa đất số 206 cho ông T, ông T đã vượt lập nền đất để sử dụng từ năm 1995.

Đối với Phiếu thu số 21 ghi nội dung nhận tiền của ông Nguyễn Văn K nhưng thực chất là ông Trần Thanh N1 (em vợ ông K đứng tên mua hộ), ông T

khi đó là thủ quỹ xã V đã tự ý thỏa thuận với ông K cho ông N1 nợ lại tiền từ năm 1995 - 1998 nhưng ông N1 không có tiền trả nên không mua nữa, do đó ông T đã đề nghị mua lại xuất đất của ông N1, K (có giấy biên nhận với ông K), ông T là người trực tiếp nộp tiền cho UBND xã V toàn bộ số tiền theo phiếu thu số 21 (bản gốc liên 2 phiếu thu số 21 ông T đang giữ).

Đối với Phiếu thu số 25 mặc dù ghi nội dung nhận tiền của ông Chu Văn C nhưng thực tế ông T là người đăng ký với UBND xã V đứng tên người mua là Chu Văn C, ông T là người trực tiếp nộp tiền cho UBND xã V (bản gốc liên 2 phiếu thu số 25 ông T đang giữ).

Ông T xác định 3 xuất đất nêu trên thuộc quyền sử dụng của ông. Việc UBND huyện K cấp Gấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho hộ ông Bùi Văn C và anh Bùi Đức V (con trai ông C) là không đúng chủ sử dụng đất.

Ngày 31 tháng 3 năm 2017, UBND huyện K ban hành Thông báo số 74/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại đối với đơn của ông T vì cho rằng tại Bản án sơ thẩm số 19/HSST ngày 25, 26/4/2000, số 59/HSST ngày 26/10/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam và Bản án phúc thẩm số 1389/HSPT ngày 26/9/2002 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử ông T về tội *"Tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa"* và tội *"Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của công dân"* đã thẩm tra, xác minh các phiếu thu số 21 ngày 20/01/1996, số 25 ngày 20/01/1996 và số 105 ngày 01/9/1995 và đã có kết luận cụ thể về các thửa đất có liên quan đến các phiếu thu trên. Đối chiếu với Điều 11 Luật khiếu nại, đơn khiếu nại của ông T thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 đã được Tòa án giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật nên không xem xét giải quyết đơn khiếu nại của ông T về thu hồi, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nữa. Không nhất trí với Thông báo số 74 nêu trên của UBND huyện K, ngày 20/4/2017 ông T khiếu nại đến UBND tỉnh yêu cầu hủy Thông báo số 74 và yêu cầu giải quyết đơn khiếu nại của ông.

Ngày 24/4/2017, UBND tỉnh Hà Nam ban hành Công văn số 1015/UBND-NC chỉ đạo UBND huyện K phối hợp với các Sở ban ngành kiểm tra lại trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ cho hộ ông V, ông C.

Ngày 29/6/2017, Chủ tịch UBND huyện K ban hành văn bản số 394/UBND-TTr về việc trả lời đơn của ông T, nội dung khẳng định Thông báo số 74 ngày 31/3/2017 của UBND huyện K là đúng quy định của pháp luật, hộ ông V, ông C đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Không nhất trí với văn bản 394 nêu trên, ông T tiếp tục khiếu nại. Ngày

28/8/2017, UBND tỉnh ban hành văn bản số 2434/UBND-NC giao cho Sở TN&MT kiểm tra, rà soát lại trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ của 02 hộ Bùi Đức V và Bùi Văn C.

Ngày 03/11/2017, Sở TN&MT đã có văn bản số 1387/STN&MT-TTr trả lời ông T, với nội dung: Việc ông T đề nghị Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho gia đình ông đối với thửa số 206, tờ bản đồ PL3, diện tích 201m^2 và thửa số 213, tờ bản đồ PL2, diện tích 276m^2 (theo bản đồ năm 2003 của xã V, huyện K) là không có cơ sở và bản chất của vụ việc là tranh chấp về quyền sử dụng đất mà thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận. Vì vậy, Sở TN&MT tỉnh đã hướng dẫn ông T liên hệ với Tòa án nhân dân huyện K để được xem xét, giải quyết.

Tuy nhiên, ông T vẫn tiếp tục có đơn khiếu nại, UBND tỉnh Hà Nam tiếp tục giao cho Sở TN&MT rà soát, làm rõ. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, rà soát, đối chiếu với quy định của pháp luật, làm rõ nội dung đề nghị của ông T và có văn bản số 563/STM&MT-TTr ngày 10/4/2018 gửi Bộ TN&MT xin ý kiến về việc giải quyết đơn của ông T. Ngày 03/5/2018, Thanh tra Bộ TN&MT đã ban hành văn bản số 237/TTr-P2 có ý kiến đối với vụ việc của ông T như sau: "Tại bản án HSST số 59/HSST ngày 26/10/2001 của TAND tỉnh Hà Nam khẳng định hộ bà T1 đã nộp tiền (theo các phiếu 105, 21, 25) để được UBND xã V giao đất làm nhà từ năm 1996. Do đó khiếu nại của ông T cho rằng ông là người nộp tiền để được giao đất là không có căn cứ."

Ngày 17/5/2018, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành văn bản số 1249/UBND-NC về việc trả lời đơn của ông Trần Văn T, xác định vụ việc của ông T đã được giải quyết tại Bản án số 59/HSST ngày 26/10/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam. Việc ông T khiếu nại cho rằng, ông đứng tên nộp tiền để được giao đất là không có căn cứ, đồng thời hướng dẫn ông T gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện K để được giải quyết về việc tranh chấp đất đai giữa ông và gia đình ông C.

Không nhất trí với Văn bản 1249/UBND-NC, ngày 13/9/2018 ông Trần Văn T tiếp tục có đơn đề nghị UBND tỉnh giải quyết hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện K đã cấp cho hộ ông C và anh V để trả lại đất cho ông.

Ngày 26/4/2019, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Thông báo số 26/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại, vì nội dung đơn của ông T đã được các cơ quan có thẩm quyền xem xét trả lời theo quy định của pháp luật.

Căn khoản 2 Điều 11 Luật khiếu nại 2011 thì đơn khiếu nại của ông T không được thụ lý giải quyết nữa.

Không nhất trí với Thông báo số 26 nêu trên, ngày 24/6/2019 ông T đã làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam yêu cầu giải quyết: Hủy Thông báo số 26/TB-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam; Buộc Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam phải thụ lý, giải quyết khiếu nại đề ngày 13/9/2018 của ông theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam, UBND huyện K và UBND xã V cùng có quan điểm khẳng định: Việc tiếp nhận, xử lý nội dung đơn của ông T đã được các cấp, ngành xem xét, giải quyết, trả lời đúng quy định của pháp luật. Nên việc ông T khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo số 26/TB-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam; Buộc Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam phải thụ lý, giải quyết khiếu nại để ngày 13/9/2018 của ông theo quy định của pháp luật là không có sơ sở. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 40/2019/HC-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm b khoản 1 Điều 79; Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 159; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 18, Điều 27 Luật khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về việc đề nghị Tòa án hủy Thông báo số 26/TB-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại; Buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam phải thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại đề ngày 13/9/2018 của ông theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 11/11/2019, người khởi kiện là ông Trần Văn T có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Ông Trần Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: Lời khai của ông C và bà T1 đều khẳng định không mua bán gì liên quan đến các thửa đất này và cũng không có giấy tờ liên quan đến đất nhưng Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C và bà T1 là không đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, hủy Thông báo số 26 ngày 26/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Luật sư Nguyễn Văn C1 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện tranh luận: Ông T không có giấy tờ đối với 2 thửa đất, không có tên trên các phiếu thu, Ủy ban nhân dân huyện K khẳng định ông T không có quyền nghĩa cụ liên quan đến đất nên không có quyền khởi kiện là đúng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của ông T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng, Thẩm phán, Thư ký đảm bảo đúng quy định pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Trần Văn T có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Xét đơn kháng cáo của ông Trần Văn T là hợp lệ, trong thời hạn luật định tại các Điều 204, 205, 206 Luật tố tụng hành chính đủ điều kiện xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Từ năm 2010, ông T có đơn khiếu nại thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông C, bà T1 đối với 2 thửa đất 213 và 206. Ông T cho rằng năm 1996 ông đã nộp tiền tại các phiếu thu 105, 21, 25 để mua 2 lô đất tại các thửa 213 và 206; Ủy ban nhân dân huyện K tiến hành rà soát văn bản và ban hành Thông báo số 74/TB-UBND về việc không thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại của ông T do yêu cầu đã được giải quyết tại Bản án số 59/HSST ngày 26/10/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam. Không đồng ý ông T đã có khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam đã ban hành văn bản 1249 trả lời đơn cho ông T. Như vậy, khiếu nại của ông T đã được Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam giải quyết lần đầu là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011. Ông T không đồng ý và tiếp tục khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam. Ngày 26/4/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra Thông báo số 26 không thụ lý đơn của ông T là đúng pháp luật. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo số 26/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam là không có cơ sở, bản án sơ thẩm bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông T là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy tại phiên tòa hôm nay ông Trần Văn T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ khác so với tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên xét thấy:

[1] Ông Trần Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Thông báo số 26/TB-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại vì ông cho rằng UBND huyện K lấy thửa số 206, tờ bản đồ PL3, diện tích 201m^2 và thửa số 213, tờ bản đồ PL2, diện tích 276m^2 (theo bản đồ năm 2003 của xã V, huyện K) cấp cho người khác là không đúng quy định. Vụ việc ông T khiếu nại trong một thời gian dài và đã được các cơ quan có thẩm quyền trả lời cụ thể như sau:

- Ngày 31/3/2017, UBND huyện K ban hành Thông báo số 74/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại đối với đơn của ông T, vì cho rằng: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/HSST ngày 25, 26/4/2000, số 59/HSST ngày 26/10/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam và Bản án hình sự phúc thẩm số 1389/HSPT ngày 26/9/2002 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử đối với ông T về tội "Tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa" và tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của công dân" đã thẩm tra, xác minh các phiếu thu số 21 ngày 20/01/1996, số 25 ngày 20/01/1996 và số 105 ngày 01/9/1995 và đã có kết luận cụ thể về các thửa đất có liên quan đến các phiếu thu trên. Đối chiếu với Điều 11 Luật khiếu nại, đơn khiếu nại của ông T thuộc trường hợp quy định tại khoản 9, nội dung khiếu nại đã được Tòa án giải quyết bằng Bản án có hiệu lực pháp luật, Tòa án không xem xét giải quyết đơn khiếu nại của ông T về thu hồi, hủy Giấy chứng nhận QSDĐ nữa.

Không nhất trí với Thông báo số 74 nêu trên của UBND huyện K, ngày 20/4/2017 ông T khiếu nại đến UBND tỉnh yêu cầu hủy Thông báo số 74 và yêu cầu giải quyết đơn khiếu nại của ông.

Ngày 24/4/2017, UBND tỉnh Hà Nam ban hành Công văn số 1015/UBND-NC chỉ đạo UBND huyện Kim Bảng phối hợp với các Sở ban ngành kiểm tra lại trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ cho hộ ông V, ông C.

Ngày 29/6/2017, Chủ tịch UBND huyện K ban hành văn bản số 394/UBND-TTr về việc trả lời đơn của ông T, nội dung khẳng định Thông báo số 74 ngày 31/3/2017 của UBND huyện K là đúng quy định của pháp luật, hộ ông V, ông C đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Không nhất trí với văn bản 394 nêu trên, ông T tiếp tục khiếu nại. Ngày

28/8/2017, UBND tỉnh ban hành văn bản số 2434/UBND-NC giao cho Sở TN&MT kiểm tra, rà soát lại trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ của 02 hộ Bùi Đức V và Bùi Văn C.

Ngày 03/11/2017, Sở TN&MT đã có văn bản số 1387/STN&MT-TTr trả lời ông T, với nội dung: Việc ông T đề nghị Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho gia đình ông đối với thửa số 206, tờ bản đồ PL3, diện tích 201m^2 và thửa số 213, tờ bản đồ PL2, diện tích 276m^2 (theo bản đồ năm 2003 của xã V, huyện K) là không có cơ sở và bản chất của vụ việc là tranh chấp về quyền sử dụng đất mà thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận. Vì vậy, Sở TN&MT tỉnh đã hướng dẫn ông T liên hệ với Tòa án nhân dân huyện K để được xem xét, giải quyết.

Tuy nhiên, ông T vẫn tiếp tục có đơn khiếu nại, UBND tỉnh Hà Nam tiếp tục giao cho Sở TN&MT rà soát, làm rõ. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, rà soát, đối chiếu với quy định của pháp luật, làm rõ nội dung đề nghị của ông T và có văn bản số 563/STM&MT-TTr ngày 10/4/2018 gửi Bộ TN&MT xin ý kiến về việc giải quyết đơn của ông T. Ngày 03/5/2018, Thanh tra Bộ TN&MT đã ban hành văn bản số 237/TTr-P2 có ý kiến đối với vụ việc của ông T như sau: "Tại bản án HSST số 59/HSST ngày 26/10/2001 của TAND tỉnh Hà Nam khẳng định hộ bà T2 đã nộp tiền (theo các phiếu thu 105, 21, 25) để đượcUBND xã V giao đất làm nhà từ năm 1996. Việc ông Trần Văn T khiếu nại cho rằng ông là người nộp tiền để được giao đất là không có căn cứ".

Ngày 17/5/2018, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành văn bản số 1249/UBND-NC về việc trả lời đơn của ông Trần Văn T, xác định vụ việc của ông T đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 59/HSST ngày 26/10/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam. Việc ông T khiếu nại cho rằng, ông đứng tên nộp tiền để được giao đất là không có căn cứ, đồng thời hướng dẫn ông T gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện K để được giải quyết về việc tranh chấp đất đai giữa ông và gia đình C. Như vậy toàn bộ nội dung ông Trần Văn T khiếu nại đã được cơ quan Nhà nước giải quyết theo đúng trình tự và đúng quy định của pháp luật.

Từ những nội dung trên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam đã ban hành Thông báo số 26/TB-UBND ngày 26/4/2019 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn T theo đúng quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T là có căn cứ. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo

của ông T, giữ nguyên toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Chi phí xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ ông T phải chịu 3.000.000 đồng đã được quyết toán xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Bác kháng cáo của ông Trần Văn T, giữ nguyên toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 40/2019/HC-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam;

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm b khoản 1 Điều 79; Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 159; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 18, Điều 27 Luật khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về việc đề nghị Tòa án hủy Thông báo số 26/TB-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại; Buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam phải thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại đề ngày 13/9/2018 của ông theo quy định của pháp luật.

2. Án phí: Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) hành chính sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông Trần Văn T (con gái Trần Thị H nộp thay) theo biên lai số 0004042 ngày 15/7/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam.

Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng hành chính phúc thẩm; được đối trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0004087 ngày 12/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam.

Chi phí xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ ông T phải chịu 3.000.000 đồng đã được quyết toán xong.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Anh Dũng